

THỰC TRẠNG XUẤT NHẬP KHẨU GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC GIẢI PHÁP ĐỂ GIẢM THIỂU NHẬP SIÊU

Không Văn Thắng*

TÓM TẮT

Hoạt động xuất, nhập khẩu giữa Việt Nam và Trung Quốc nhiều năm qua luôn trong tình trạng nhập siêu nghiêng về phía Việt Nam. Mặt khác, xét về hàng hóa xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Trung Quốc cũng có sự khác nhau, chúng ta chủ yếu xuất khẩu hàng nông sản và sản phẩm thô sang Trung Quốc, trong khi đó chúng ta lại nhập chủ yếu là máy móc thiết bị, nguyên vật liệu để sản xuất và nhập hàng tiêu dùng thông thường từ nước bạn do đó nhập siêu là điều rất khó tránh khỏi. Để có cái nhìn chi tiết và mang tính hệ thống cao bài viết xin tự diễn giải ý kiến này trên cơ sở phân tích các số liệu về tình hình xuất, nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam và Trung Quốc những năm gần đây, từ đó đưa ra một số giải pháp để giảm thiểu mất cân bằng cán cân thương mại giữa hai nước.

Từ khóa: Xuất, nhập khẩu, Việt Nam, Trung Quốc.

ABSTRACT

Engaged in exporting and importing between Vietnam and China over the years always in deficit leaning toward Vietnam. On the other hand, in terms of import and export goods between Vietnam and China also have differences, we mainly exports agricultural products and crude products to China, while we import mainly machines machinery, raw materials for the manufacture and importation of consumer goods from your country normally trade deficit is therefore very difficult to avoid. For a detailed look and high systemic article please feel free to interpret this opinion based on analysis of data on the import and export goods between Vietnam and China in recent years, from which offer a number of solutions to reduce imbalances balance of trade between the two countries.

Keywords: Export, import, Vietnam, China.

1. Lời mở đầu

Trung Quốc là nước láng giềng của Việt Nam có chung đường biên trên bộ dài hàng trăm km, lại có nền kinh tế phát triển và là một thị trường liên kết cực lớn với trên 1,3 tỷ dân với đòi hỏi về chất lượng hàng hóa không khắt khe lắm, nên Việt Nam mong muốn xuất

khẩu nhiều với Trung Quốc là tất yếu. Tuy nhiên, nhiều năm qua Việt Nam không những không xuất sang Trung Quốc nhiều hơn nhập mà còn ngược lại tình trạng xuất siêu luôn diễn ra chính điều này đã đặt ra cho chúng ta cần phải có những giải pháp mang tính chiến lược để tiến tới Việt Nam không chỉ cân bằng cán cân thương mại mà còn xuất siêu vào thị trường lớn nhất thế giới này.

* Thạc sĩ, Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh

2. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

2.1. Khái niệm về xuất - nhập khẩu

- Xuất khẩu là hoạt động kinh doanh buôn bán ở phạm vi quốc tế. Nó không phải là hành vi buôn bán riêng lẻ mà là cả một hệ thống các quan hệ mua bán trong một nền thương mại có tổ chức cả bên trong và bên ngoài nhằm bán sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ sản xuất trong nước ra nước ngoài thu ngoại tệ, qua đây mạnh sản xuất hàng hoá phát triển, chuyển đổi cơ cấu kinh tế ổn định từng bước nâng cao mức sống nhân dân. Xuất khẩu hàng hoá nằm trong lĩnh vực phân phối và lưu thông hàng hoá của một quá trình tái sản xuất mở rộng, nhằm mục đích liên kết sản xuất với tiêu dùng của nước này với nước khác. Nền sản xuất xã hội phát triển như thế nào phụ thuộc rất nhiều vào hoạt động kinh doanh này.

- Nhập khẩu là việc mua bán và trao đổi hàng hoá dịch vụ của nước này với nước khác, trong giao dịch dùng ngoại tệ của một nước hay một ngoại tệ mạnh trên thế giới để trao đổi. Đặc điểm của hoạt động nhập khẩu là hoạt động mua bán quốc tế, nó là một hệ thống các quan hệ mua bán rất phức tạp và có tổ chức từ bên trong ra bên ngoài. Vì thế hoạt động nhập khẩu đem lại hiệu quả kinh tế cao, nhưng nó cũng có thể gây những hậu quả do tác động với cả hệ thống kinh tế bên ngoài, mà một quốc gia tham gia nhập khẩu không thể không chế được.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Để đánh giá được thực trạng hoạt động xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Trung Quốc, từ đó đưa ra được các giải pháp để tiến dần đến cân bằng cán cân thương mại hai chiều giữa hai nước, bài viết sử dụng nguồn số liệu thứ cấp được thu thập từ các báo cáo, các kết quả nghiên cứu, các số liệu đã được công bố

chính thức của các cơ quan, tổ chức như: Số liệu thống kê xuất nhập khẩu của Tổng Cục Thống kê Việt Nam giai đoạn 2011 đến 2016; số liệu tổng hợp về xuất nhập khẩu của Việt Nam và Trung Quốc từ năm 2011 đến nay của Tổng Cục Hải quan Việt Nam. Ngoài ra, các báo cáo khoa học, tạp chí, Internet, các văn bản pháp quy..., được sử dụng làm nguồn tài liệu nghiên cứu. Từ đó, tiến hành so sánh, đối chiếu, phân tích thực trạng về xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Trung Quốc trong những năm qua, những thuận lợi và khó khăn trong việc xuất nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam và Trung Quốc ... trên cơ sở đó đề ra các giải pháp phù hợp trong việc giảm thiểu mất cân bằng trong cán cân thương mại hai chiều giữa Việt Nam và Trung Quốc trong thời gian tới.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Khái quát về thương mại Việt Nam - Trung Quốc

3.1.1. Về xuất nhập - khẩu chung

Nếu lấy năm 2011, năm đầu thực hiện kế hoạch 5 năm 2011 - 2015, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường Trung Quốc là 10,8 tỷ USD, tăng 47,6% so với năm 2010, chiếm tỷ trọng 11,2% trong tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước; trong khi đó kim ngạch nhập khẩu từ Trung Quốc là 24,6 tỷ USD, tăng 22,7% so với năm 2010 và chiếm tỷ trọng 23,2% trong tổng kim ngạch nhập khẩu cả nước. Như vậy mức nhập siêu là 13,8 tỷ USD, tương đương với tỷ lệ 127,7% trên kim ngạch xuất khẩu. Cho tới năm 2015, Việt Nam chỉ xuất khẩu sang Trung Quốc 17,14 tỷ USD, tăng 6,34 tỷ USD so với năm 2011, chiếm tỷ trọng 10,57% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước, nhưng đã nhập khẩu tới 49,52 tỷ USD, tăng 24,92 tỷ USD so với năm 2011, chiếm tỷ trọng 29,9% tổng kim ngạch nhập khẩu cả

nước và như vậy mức nhập siêu là 32,38 tỷ USD, tương đương với tỷ lệ 188,9% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước. Đặc biệt, trong năm 2016, Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc đạt 17,11 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 9,69% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước, trong khi nhập khẩu từ Trung Quốc là 49,50 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 28,43% dẫn đến nhập siêu tới 32,39 tỷ USD tương ứng với 189,3%.

Như vậy có thể thấy, mặc dù số lượng kim ngạch xuất khẩu vào thị trường Trung

Quốc tăng liên tục từ năm 2011 đến 2016, song về tỷ trọng lại không tương xứng, trong suốt 6 năm tỷ trọng cơ bản ổn định, năm 2011 là 11,2% và đến 2016 là 9,69%. Trong khi đó, kim ngạch nhập khẩu lại tăng nhanh hơn, từ 2011 tới năm 2016 gấp 2,012 lần, khoảng 24,9 tỷ USD, lớn hơn cả lượng kim ngạch xuất khẩu đạt được năm 2016 tới 7,79 tỷ USD; kết quả là tỷ lệ nhập siêu từ Trung Quốc luôn là con số rất cao, từ 127,8% năm 2011 lên 193,3% năm 2014 và 188,9% năm 2015 và năm 2016 mặc dù rất cố gắng song vẫn là 189,3%.

Bảng 01: Kết quả xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Trung Quốc giai đoạn 2011 - 2016

Năm	Xuất khẩu		Nhập khẩu		Tỷ lệ nhập siêu (%)
	Kim ngạch (Tỷ USD)	Tỷ trọng so với cả nước(%)	Kim ngạch (Tỷ USD)	Tỷ trọng so với cả nước(%)	
2011	10,80	11,20	24,60	23,20	127,8
2012	12,20	10,70	28,90	25,30	136,9
2013	13,20	9,98	36,90	28,10	179,5
2014	14,90	9,90	43,70	29,50	193,3
2015	17,14	10,57	49,52	29,90	188,9
2016	17,11	9,69	49,50	28,43	189,3

Nguồn: Niên giám Thống kê năm 2015 - Tổng Cục Thống kê Việt Nam và Kết quả Thống kê xuất nhập khẩu 12 tháng năm 2016 của Tổng cục Hải Quan Việt Nam

3.1.2. Về mặt hàng xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc

Là một thị trường liền kề, có chung đường biên trên bộ dài hàng trăm km, lại có nền kinh tế phát triển và một thị trường trên 1,3 tỷ dân với đòi hỏi về chất lượng hàng hóa không khắt khe lắm, nên Việt Nam mong muốn xuất khẩu nhiều với Trung Quốc là tất yếu. Trong chiều xuất khẩu, với lợi thế của mình Việt Nam đã tập trung xuất khẩu vào 4 nhóm hàng chính,

với trên 100 mặt hàng là: (1) Nhóm nguyên nhiên liệu: Dầu thô, than, quặng kim loại, các loại hạt có dầu, dược liệu (cây làm thuốc)...(2) Nhóm nông sản: Lương thực (gạo, sắn khô), rau củ quả (đặc biệt là các loại hoa quả nhiệt đới như: chuối, xoài, chôm chôm, thanh long...), chè, hạt điều. (3) Nhóm thủy sản: Thủy sản tươi sống, thủy sản đông lạnh, một số loại mang tính đặc sản như: rắn, rùa, ba ba...(4) Nhóm hàng tiêu dùng: Hàng thủ công mỹ nghệ, giày dép, đồ gỗ cao cấp, bột giặt, bánh kẹo... Trong đó

riêng nhóm hàng nông - lâm - thủy sản chiếm tỷ trọng 31,2% trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam vào thị trường Trung Quốc và 20,9% trong tổng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của cả nước. Đặc

biệt trong số trên 100 mặt hàng xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc chỉ có khoảng 10 mặt hàng có giá trị tương đối lớn và có tính ổn định (xem bảng 02).

Bảng 02: Các mặt hàng xuất khẩu có giá trị lớn từ Việt Nam vào Trung Quốc năm 2015 - 2016

STT	Tên mặt hàng chủ yếu	Năm 2015		Năm 2016	
		Kim ngạch (Triệu USD)	Tỷ trọng (%)	Kim ngạch (Triệu USD)	Tỷ trọng (%)
1	Hàng rau quả	1.194,90	6,97	1.738,91	10,16
2	Sắn và các sản phẩm từ sắn	1.167,60	6,81	868,39	5,07
3	Xơ, sợi dệt các loại	1.365,40	7,97	1.650,86	9,65
4	Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	1.016,60	5,93	1.660,16	9,70
5	Gỗ và sản phẩm từ gỗ	982,70	5,73	1.020,23	5,96
6	Gạo	859,20	5,01	782,31	4,57
7	Máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	2.646,60	15,44	4.058,30	23,72
8	Điện thoại các loại và linh kiện	529,49	3,09	800,39	4,67
9	Dầu thô	811,90	4,74	1.307,84	7,64
10	Cao su	763,40	4,45	944,09	5,52

Nguồn: Niên giám Thống kê Tổng Cục Hải Quan Việt Nam Năm 2015 và Trị giá xuất, nhập khẩu phân theo nước và vùng lãnh thổ chủ yếu sơ bộ các tháng năm 2016 - Tổng cục Thống kê Việt Nam

Từ bảng 02 trên cho thấy Việt Nam tuy có nhiều mặt hàng xuất khẩu sang Trung Quốc, song số lượng hàng hóa xuất sang Trung Quốc có giá trị lớn lại rất ít, năm 2015 Việt Nam có 6/10 mặt hàng chủ lực có giá trị trên 1 tỷ USD thì đến hết 11 tháng đầu năm 2016 mới có được 5/10 mặt hàng đạt giá trị xuất khẩu trên 1 tỷ USD gồm: Máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện năm 2015 xuất đạt 2.646,6 triệu USD, chiếm 15,44% giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc đến năm 2016 là 4.058,30 triệu USD,

chiếm 23,72%; Hàng Xơ, sợi dệt các loại năm 2015 xuất đạt 1.365,4 triệu USD, chiếm 7,97% giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc, năm 2016 là 1.650,86 triệu USD, chiếm 9,65%; Hàng rau quả năm 2015 xuất đạt 1.194,9 triệu USD, chiếm 6,97% giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc đến năm 2016 là 1.738,91 triệu USD, chiếm 10,16%; Sắn và các sản phẩm từ sắn năm 2015 xuất đạt 1.167,6 triệu USD, chiếm 6,81% giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc đến năm 2016 là 868,39 triệu USD, chiếm 5,07%, đây cũng

là sản phẩm mà đạt thấp hơn năm trước và chưa đạt 1 tỷ USD; Sản phẩm máy ảnh và máy quay phim năm 2015 xuất đạt 1.016,60 triệu USD, chiếm 5,93% giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc, đến năm 2016 là 1.660,16 triệu USD, chiếm 9,7% so với tổng kim ngạch xuất khẩu sang Trung Quốc... Trong khi đó cả 10/10 mặt hàng nhập khẩu chính của Việt Nam đều có giá trị từ 1 tỷ USD trở lên xem (bảng số 03 dưới đây).

3.1.3. Các mặt hàng nhập khẩu có giá trị lớn từ Trung Quốc vào Việt Nam

Hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc vào Việt Nam tập trung vào nhóm sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo là chính, trong đó

có 9 nhóm hàng thường đạt kim ngạch trên 1 tỷ USD như máy móc thiết bị, phụ tùng; sắt thép các loại; điện thoại các loại và linh kiện; hóa chất; sản phẩm từ chất dẻo; ô tô các loại; vải các loại; nguyên phụ liệu dệt may da giày. Riêng trong năm 2013, nhập khẩu nhóm máy móc, thiết bị, phụ tùng, dụng cụ đã chiếm khoảng 18% tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa từ Trung Quốc; tiếp theo là nhóm nguyên phụ liệu dệt may da giày chiếm 15%; nhóm điện thoại các loại và linh kiện chiếm 15%; nhóm máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện chiếm 12%; nhóm sắt thép các loại và sản phẩm chiếm 9%; còn lại là các nhóm hàng hóa khác. Đặc biệt, trong năm 2015 và năm 2016 Việt Nam có 10 mặt hàng nhập khẩu có giá trị cao (xem biểu 03 sau).

Bảng 03: Các mặt hàng nhập khẩu có giá trị lớn từ Trung Quốc vào Việt Nam năm 2015-2016

STT	Tên mặt hàng chủ yếu	Năm 2015		Năm 2016	
		Kim ngạch (Triệu USD)	Tỷ trọng (%)	Kim ngạch (Triệu USD)	Tỷ trọng (%)
1	Sản phẩm từ chất dẻo	1.152,20	2,33	1.491,53	3,01
2	Vải các loại	5.224,60	10,55	5.447,91	11,00
3	Nguyên phụ liệu dệt may, da, giày	1.778,00	3,59	1.873,21	3,78
4	Sắt thép các loại	4.169,80	8,42	4.451,11	8,99
5	Sản phẩm từ sắt thép	1.320,50	2,67	1.064,96	2,15
6	Kim loại thường khác	1.280,30	2,59	1.518,19	3,07
7	Máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	5.205,20	10,51	5.916,96	11,95
8	Điện thoại các loại và linh kiện	6.901,70	13,94	6.143,06	12,41
9	Máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác	9.027,60	18,23	9.275,76	18,75
10	Ô tô nguyên chiếc các loại	1.046,70	2,11	422,49	0,85

Nguồn: Niên giám Thống kê Tổng Cục Hải Quan Việt Nam Năm 2015 và Trị giá xuất, nhập khẩu phân theo nước và vùng lãnh thổ chủ yếu sơ bộ các tháng năm 2016- Tổng cục Thống kê Việt Nam

Qua bảng 03 trên đây cho thấy, Việt Nam vẫn nhập khẩu máy móc thiết bị là chính, năm 2015 tổng giá trị nhập khẩu của mặt hàng này là 9.027,6 triệu USD, chiếm đến 18,23% tổng giá trị nhập khẩu cả năm từ Trung Quốc và năm 2016 vẫn duy trì ở mức 9.275,76 triệu USD, chiếm 18,75% tổng giá trị nhập khẩu từ Trung Quốc, rõ ràng Việt Nam vẫn chủ yếu tìm kiếm nguồn máy móc có giá trị và công nghệ thấp từ Trung Quốc để đầu tư sản xuất mà chưa tìm kiếm máy móc có giá trị và công nghệ cao thân thiện với môi trường từ các nước phát triển hơn như Nhật Bản, Mỹ hay khối EU... Cũng từ kết quả của bảng trên còn cho thấy, Việt Nam vẫn còn phụ thuộc khá nhiều vào nguyên vật liệu từ Trung Quốc nhất là các sản phẩm có giá trị xuất khẩu càng lớn thì có giá trị nhập khẩu cũng lớn theo điều này càng minh chứng xuất khẩu của Việt Nam vẫn đứng trên đôi chân của Trung Quốc cụ thể về các sản phẩm nguyên vật liệu cho sản xuất gồm: Điện thoại các loại và linh kiện năm 2015 nhập đến 6.901,7 triệu USD, chiếm 13,94%, trong khi đó cũng năm 2016 là 6.143,06 triệu USD, chiếm 12,41%; máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện năm 2015 nhập là 5.205,2 triệu USD, chiếm 10,51% và năm 2016 là 5.916,96 triệu USD, chiếm 11,95%; vải các loại năm 2015 nhập khẩu 5.224,6 triệu USD, chiếm 10,55% sang đến năm 2016 là 5.447,91 triệu USD, chiếm 11,0%; sắt thép các loại năm 2015 nhập là 4.169,8 triệu USD, chiếm 8,42%, năm 2016 là 4.451,11 triệu USD, chiếm 8,99%; Nguyên phụ liệu dệt may năm 2015 nhập khẩu 1.778,0 triệu USD, chiếm 3,59% sang đến năm 2016 là 1.873,21 triệu USD, chiếm 3,78%... Riêng ô tô nguyên chiếc 2 năm qua (2015-2016) nhập khẩu vào Việt Nam có xu hướng giảm, nếu năm 2015 giá trị nhập khẩu đạt 1.046,7

triệu USD, chiếm 2,11% tổng kim ngạch nhập khẩu từ Trung Quốc thì đến năm 2016 chỉ còn 422,49 triệu USD, chiếm 0,85%. Một trong những lý do Việt Nam đã chuyển thị trường nhập khẩu ô tô nguyên chiếc từ Trung Quốc sang thị trường ASEAN là do chính sách ưu đãi thuế nhập khẩu theo cam kết Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN khiến lượng ô tô từ Thái Lan và Indonesia được nhập về Việt Nam tăng mạnh. Theo Bộ Tài chính, từ năm 2016, thuế nhập khẩu ô tô trong nội khối ASEAN giảm từ 50% xuống còn 40% và đến năm 2017 còn 30%, từ năm 2018 còn 0%. Do vậy, lượng xe nhập từ khu vực ASEAN như: Thái Lan, Indonesia... trong năm 2016 và những tháng đầu năm 2017 đã tăng mạnh nhằm hưởng ưu đãi thuế.

3.2. Nguyên nhân, hạn chế và khuyến nghị để Việt Nam giảm nhập siêu từ Trung Quốc

3.2.1. Nguyên nhân của tình trạng nhập siêu

Với cơ cấu hàng hóa xuất nhập khẩu hai chiều như vậy, Việt Nam nhập siêu từ Trung Quốc là tất yếu và khả năng trong các năm tới có thể vẫn ở mức cao. Nguyên nhân chính làm cho Việt Nam nhập khẩu và nhập siêu lớn từ Trung Quốc, ngoài các yếu tố là giá cả hàng hoá rẻ; hai nước có chung biên giới dài, nên tình hình xuất nhập khẩu mậu biên khá nhộn nhịp, mua bán bằng tiền của cả hai nước cũng khá thuận lợi; mặt hàng phong phú, đa dạng, phù hợp với thị hiếu, còn có những nguyên nhân chủ quan khác là các doanh nghiệp Việt Nam do tiềm lực tài chính yếu nên tìm nguồn cung giá rẻ; giá bỏ thầu các công trình xây dựng thấp...Điều này cần được nhận thức rõ và thay đổi. Việc sớm xác định một chiến lược

với thị trường này là rất quan trọng vì Trung Quốc như một nhân tố lớn chi phối sự phát triển trong khu vực. Để giảm dần mức nhập siêu từ Trung Quốc, chủ động trước hết là thay đổi cơ cấu hàng hóa xuất - nhập khẩu, đổi mới cách thức làm ăn với Bạn và kiểm soát hai quá trình này một cách hiệu quả. Đồng thời, khi Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương TPP có hiệu lực thực hiện mà Việt Nam là nước thành viên, các nhà xuất khẩu Việt Nam cần phải chú ý nhiều hơn đến nguyên tắc xuất xứ để được hưởng các ưu đãi thuế suất từ TPP bằng cách chuyển sang nhập khẩu máy móc, nguyên phụ liệu từ các nước là thành viên tham gia ký kết hiệp định này như Malaysia, Singapor. Brunei, Nhật Bản... , thay vì nhập khẩu từ Trung Quốc như hiện nay, để nâng tỷ trọng hàm lượng vật tư từ các nước thành viên TPP trong hàng hóa. Ngoài ra, khi thu hút FDI có cơ hội gia tăng từ các nước thành viên và dưới sức ép của nguyên tắc xuất xứ thì công nghiệp hỗ trợ của Việt Nam sẽ phát triển... Như vậy, khả năng xuất khẩu của Việt Nam vừa tăng lên, đồng thời nhập khẩu từ thị trường Trung Quốc có xu hướng giảm đi, giảm dần tỷ lệ nhập siêu của Việt Nam, hướng dần tới sự cân bằng thương mại giữa hai nước.

3.2.2. Hạn chế về xuất, nhập khẩu giữa Việt Nam và Trung Quốc

Một là, về mặt tư tưởng, tâm lý và mức độ tín nhiệm trong buôn bán qua biên giới của hai nước chưa cao, vẫn còn nhiều sự khác biệt trong việc đề ra chính sách của mỗi nước trong quan hệ kinh tế thương mại. Đôi bên còn có sự chênh lệch lớn về chính sách buôn bán qua biên giới tạo nên những ảnh hưởng bất lợi cho cả hai nhất là phía Việt Nam như: Yêu cầu tiếp nhận đầu tư của Việt Nam là công nghệ cao,

không phá hoại tài nguyên và thân thiện môi trường. Trong khi Trung Quốc không có chủ trương chuyển giao công nghệ cao cho Việt Nam và họ cũng không quan tâm đến việc bảo vệ môi trường cho Việt Nam.

Hai là, mặc dù hai nước có Hiệp định hợp tác đảm bảo và chứng nhận lẫn nhau về hàng hóa xuất, nhập khẩu nhưng vẫn không ngăn chặn nổi làn sóng hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng tuồn vào Việt Nam và các hàng hóa quý hiếm, hàng cấm của Việt Nam vẫn xuất sang Trung Quốc qua con đường tiểu ngạch.

Ba là, bản thân phía Việt Nam, luôn thiếu sự hợp tác lẫn nhau cũng như các hợp đồng mua bán giữa các doanh nghiệp trong nước, gây nên tình trạng tranh mua, tranh bán cho đối phương, hoặc thường xuyên bị ép cấp, ép giá nên gây nên thiệt hại cho Việt Nam.

Bốn là, mặc dù Ngân hàng Trung ương giữa Việt Nam và Trung Quốc đã có Hiệp định hợp tác thanh toán, theo đó mọi khoản thanh toán phải thông qua ngân hàng thương mại hai nước theo hệ thống quốc tế bằng ngoại tệ tự do trao đổi. Nhưng thực tế hàng chục năm nay buôn bán qua biên giới Việt - Trung lượng thanh toán qua ngân hàng còn rất nhỏ, thị trường chợ đen buôn bán tiền còn khá công khai ở các cửa khẩu biên giới hai nước, hiện tượng lừa đảo chiếm dụng vốn, lưu hành tiền giả ở các tỉnh biên giới diễn ra thường xuyên.

Năm là, trình độ phát triển khoa học và phát triển kinh tế của Trung Quốc cao hơn Việt Nam khiến cho tính bổ sung giữ hai bên tăng lên, nhưng mặt khác cũng gây nên ảnh hưởng bất lợi đối với hàng hóa Việt Nam muốn thâm nhập và thị trường Trung Quốc. Việt Nam chủ yếu xuất khẩu hàng nông sản và sản phẩm thô sang Trung Quốc, trong khi đó Việt Nam lại

nhập chủ yếu là máy móc thiết bị, nguyên vật liệu để sản xuất và xuất khẩu, nhập hàng tiêu dùng thông thường từ nước bạn do đó nhập siêu là điều rất khó tránh khỏi.

3.2.3. Một số khuyến nghị giảm thiểu nhập siêu từ Trung Quốc

Một là, thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu, đây được coi là giải pháp chủ yếu, lâu dài để giảm nhập siêu từ Trung Quốc. Để thúc đẩy xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, Bộ Công Thương cần chủ động đàm phán và ký kết với phía Trung Quốc các thỏa thuận hợp tác nhằm tạo hành lang pháp lý quan trọng, minh bạch và ổn định cho hàng xuất khẩu của Việt Nam, đặc biệt là các nhóm hàng có thế mạnh như nông sản, thủy sản. Đồng thời, thông qua các Văn phòng Xúc tiến thương mại để đẩy mạnh xuất khẩu. Trước mắt, cần thành lập ngay một số văn phòng tại các địa phương của Trung Quốc như tại thành phố Thành Đô (tỉnh Tứ Xuyên), Hàng Châu (tỉnh Chiết Giang), Hải Khẩu (tỉnh Hải Nam), Trùng Khánh và thành phố Nam Kinh (tỉnh Giang Tô)...để Việt Nam có thể thâm nhập sâu thị trường Trung Quốc tránh bị ép giá ngay Việt Nam cửa khẩu như mặt hàng Dưa hấu, Thanh Long, Gạo như thời gian vừa qua.

Hai là, đẩy mạnh đầu tư vào ngành công nghiệp phụ trợ và sản xuất nguyên liệu hỗ trợ. Chính phủ đã phê duyệt đề án khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ sản xuất nguyên phụ liệu phục vụ cho sản xuất hàng xuất khẩu, trong đó, Việt Nam cần có cơ chế kêu gọi các doanh nghiệp ở nước phát triển nhất là thuộc khối TPP như: Nhật Bản Malaysia, Singapor. Brunein.....đầu tư vào ngành công nghiệp hỗ trợ tại Việt Nam. Đặc biệt, nếu nhập khẩu nên chuyển sang nhập khẩu máy móc, nguyên phụ liệu từ các nước

là thành viên tham gia ký kết Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương TPP như: Nhật Bản Malaysia, Singapor. Brunein...thay vì nhập khẩu từ Trung Quốc như hiện nay để còn tránh được nguyên tắc xuất xứ và còn được hưởng các ưu đãi thuế suất từ TPP, giảm dần tỷ lệ nhập siêu của Việt Nam với Trung Quốc, hướng dần tới sự cân bằng thương mại giữa hai nước Việt Nam - Trung Quốc.

Ba là, nỗ lực cạnh tranh ngày trên sân nhà. Đề án phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” giai đoạn 2014 - 2020 của Thủ tướng Chính phủ, phấn đấu đến năm 2020 tăng thị phần hàng Việt Nam có thể mạnh tại các kênh phân phối lên trên 80% và 100% các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương triển khai trên địa bàn chương trình xây dựng điểm bán hàng Việt Nam cố định, bền vững với tên gọi “Tự hào hàng Việt Nam”. 100% các tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương đều tổ chức dịch vụ hỗ trợ kết nối cung cầu cho các đối tượng sản xuất, kinh doanh hàng Việt Nam... Để đạt được mục tiêu, cần làm tốt 4 nhóm giải pháp mà Đề án của Chính phủ đã nêu đó là: (1) Giúp thay đổi về nhận thức và hành vi của cộng đồng đối với hàng Việt Nam; (2) Hỗ trợ phát triển hệ thống phân phối hàng Việt Nam cố định và bền vững; (3) Nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong lĩnh vực phân phối hàng Việt Nam; (4) Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường và bảo vệ người tiêu dùng. Nếu không làm được như vậy hàng Việt không những khó khăn trong xuất khẩu mà còn thu ngay trên sân nhà.

4. Kết luận

Cùng với sự lớn mạnh của các nền kinh tế trong khu vực, tác động của các hiệp định

thương mại và sự đa dạng nguồn cung trong thế giới phẳng, việc giảm dần nhập siêu từ Trung Quốc không phải là vấn đề quá nan giải đối với kinh tế Việt Nam. Song để làm được điều này không thể một sớm, một chiều có thể làm được ngay mà cần phải có hướng đi chiến lược và mang tính lâu dài và đồng bộ. Tin rằng Việt Nam không chỉ giảm dần tỷ lệ nhập siêu đối với Trung Quốc, mà còn hướng dần tới sự cân bằng thương mại giữa hai nước Việt Nam - Trung Quốc tiến tới thặng dư thương mại thời kỳ 2021 - 2030 như Nghị quyết số 2471/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ 2011 - 2020, định hướng đến năm 2030 đã đề ra./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quyết định số 634/QĐ-TTg ngày 29/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển thị trường trong nước gắn với cuộc vận động “Người Việt nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” giai đoạn 2014-2020.
2. Tổng Cục Hải Quan Việt Nam. (2016). *Niên giám Thống kê Tổng Cục Hải Quan Việt Nam 2015*. Truy cập từ <http://www.customs.gov.vn/liinsts/Thongkehaiquan/Default.aspx>.
3. Tổng Cục Hải Quan Việt Nam. (2016). *Kết quả Thống kê xuất, nhập khẩu chia theo nước và khu vực 12 tháng đầu năm 2016*. Truy cập từ <http://www.customs.gov.vn/liinsts/Thongkehaiquan/Default.aspx>.
4. Tổng cục Thống kê Việt Nam (2016), *Niên giám Thống kê Việt Nam 2015*. Nhà xuất bản Thống kê.
5. Tổng Cục Thống kê Việt Nam (2016), *giá trị xuất, nhập khẩu phân theo nước và vùng lãnh thổ chủ yếu năm 2016*. <https://gso.gov.vn>
6. Khổng Văn Thắng. (2013). Giải pháp đẩy mạnh xuất - nhập khẩu ở tỉnh Bắc Ninh. *Tạp chí Phát triển & Hội nhập, Trường đại học Kinh tế - Tài chính TP Hồ Chí Minh*. Số 12 (22). Tr 7-14.

Ngày nhận bài: 22/8/2016

Ngày gửi phản biện: 03/11/2016